



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Thư tín thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	01	1	7,5	1	Anh	lẻ
2	000002	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	01	2	7,3	1	Anh	chẵn
3	000003	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	01	3	8,5	1	Anh	lẻ
4	000004	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	01	4	5,5	1	Anh	chẵn
5	000005	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	01	5	9,3	1	Ánh	lẻ
6	000006	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	01	6	5,0	1	Bảo	HP OK
7	000007	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	01	7	8,5	1	Bích	lẻ
8	000008	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	01	8	7,5	1	Châu	chẵn
9	000009	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	01	9	8,5	1	Cường	lẻ
10	000010	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	01	10	8,0	1	Hà	chẵn
11	000011	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	01	11	8,5	1	Hào	lẻ
12	000012	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	01	12	9,3	1	Hiền	chẵn
13	000013	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	01	13	9,5	1	Hiền	lẻ
14	000014	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	01	14	8,5	1	Hiệp	chẵn
15	000015	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	01	15	8,5	1	Hồng	lẻ
16	000016	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	01	16	6,3	1	Huy	chẵn
17	000017	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	01	17	6,0	1	Kiệt	lẻ
18	000018	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	01	18	5,8	1	Lan	chẵn
19	000019	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	01	19	7,5	1	Linh	lẻ
20	000020	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	01	20	9,0	1	Linh	chẵn
21	000021	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	01	21	9,5	1	Linh	lẻ
22	000022	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	01	22	8,5	1	Linh	chẵn
23	000023	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	01	23	9,5	1	Linh	lẻ
24	000024	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	01					
25	000025	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	01	24	9,0	1	Mai	lẻ
26	000026	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	01	25	9,0	1	Mạnh	chẵn
27	000027	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	01	26	6,0	1	Minh	lẻ
28	000028	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	01	27	9,0	1	Ngọc	chẵn
29	000029	1001080409	Hoàng Tổ	Nhi	12/11/2004	TM10A	01	28	9,5	1	Nhi	lẻ
30	000030	1001080413	Chu Lan	Phượng	14/06/2004	TM10A	01	29	8,0	1	Phượng	chẵn
31	000031	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	01	30	8,3	1	Phượng	lẻ
32	000032	1001080415	Đỗ Trường	Sơn	21/07/2004	TM10A	01	31	8,5	1	Sơn	chẵn
33	000033	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	01	32	9,5	1	Thảo	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
34	000034	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	01	33	8,0	1	Thảo	Chốt
35	000035	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	01	34	7,0	1	Trang	lẻ
36	000036	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	01	35	7,5	1	Tùng	chẵn
37	000037	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	01	36	5,0	1	Vân	lẻ
38	000038	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	01	37	8,5	1	Vy	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....37

Tổng số tờ giấy thi:.....37

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 23 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Văn Toàn

Phạm Thị Hương